

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HOC VIEN QUAN LY GIAO DUC

Hội đồng thi đánh giá trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra
dành cho sinh viên đại học đợt 1 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
DÀNH CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐỢT 1 NĂM 2025**

MÔN THI: Tiếng Anh

KỸ NĂNG:..... **PHÒNG THI:** 02

NGÀY THI: 25/05/2025

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ	Điểm		Ký tên	Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ		
1	TA 036	210173104030077	Trần Thị Ngọc Anh	19/06/2003	Nữ					
2	TA 037	210171401140064	Trịnh Thị Huyền Anh	01/12/2003	Nữ					
3	TA 038	210173404060088	Vũ Đoàn Mai Anh	22/11/2003	Nữ					
4	TA 039	210171401140002	Vũ Minh Anh	23/08/2003	Nữ					
5	TA 040	210171401010011	Vũ Minh Anh	04/09/2003	Nữ					
6	TA 041	210173404060074	Đỗ Thị Kim Ánh	13/10/2003	Nữ					
7	TA 042	210173101010021	Nguyễn Doãn Ngọc Ánh	13/12/2002	Nữ					
8	TA 043	210173101010055	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22/06/2003	Nữ					
9	TA 044	210173104030041	Phạm Thị Ngọc Ánh	13/07/2003	Nữ					
10	TA 045	220173104030008	Trần Thị Minh Ánh	24/09/2004	Nữ					
11	TA 046	210173104030108	Bùi Văn Bắc	22/03/2003	Nam					
12	TA 047	220173104030009	Nguyễn Thành Bắc	03/09/2004	Nam					
13	TA 048	210174802010135	Trần Tùng Bách	04/12/2003	Nam					
14	TA 049	2074802010037	Trịnh Khánh Bằng	05/09/2002	Nam					
15	TA 050	210174802010085	Lê Ngọc Bích	14/08/2003	Nữ					
16	TA 051	210173104030138	Nguyễn Ngọc Bích	01/04/2003	Nữ					
17	TA 052	210173404060089	Trịnh Thị Bích	02/07/2003	Nữ					
18	TA 053	210173104030139	Đinh Huyền Châu	16/11/2003	Nữ					
19	TA 054	210173104030140	Nguyễn Ngọc Minh Châu	27/12/2003	Nữ					
20	TA 055	210174802010045	Vũ Văn Châu	29/10/2003	Nam					
21	TA 056	210171401140066	Nguyễn Tùng Chi	01/11/2003	Nữ					
22	TA 057	210171401010013	Nguyễn Thị Hồng Chinh	23/11/2003	Nữ					
23	TA 058	210173104030141	Nguyễn Tuyết Chinh	29/09/2002	Nữ					
24	TA 059	210173404060019	Bùi Công Chính	06/02/2003	Nam					
25	TA 060	210173101010058	Đinh Tiến Công	28/12/2003	Nam					
26	TA 061	210173104030042	Nguyễn Văn Công	20/11/2003	Nam					
27	TA 062	210174802010049	Bùi Tuấn Cường	17/05/2003	Nam					
28	TA 063	220173104030014	Vũ Đình Cường	09/07/2004	Nam					
29	TA 064	2074802010041	Nguyễn Văn Đăng	20/03/2002	Nam					

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ	Điểm		Ký tên	Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ		
30	TA 065	210173104030144	Lê Thị Đào	04/10/2003	Nữ					
31	TA 066	2074802010040	Kiều Duy Đạt	02/02/2002	Nam					
32	TA 067	210173101010006	Phạm Thị Diễm	27/06/2003	Nữ					
33	TA 068	220173104030015	Quách Thị Diễm	20/06/2004	Nữ					
34	TA 069	220173104030016	Trần Hoàng Diễm	28/01/2004	Nam					
35	TA 070	210173101010094	Trần Thị Ngọc Diệp	10/07/2003	Nữ					